

THE RELATIONSHIP BETWEEN SELF-EFFICACY AND ACADEMIC OUTCOMES OF MEDICAL STUDENTS

Ngo Thi Tam*

Dai Nam University - 1 Xom street, Phu Lam, Ha Dong, Hanoi, Vietnam

Received: 01/03/2024

Revised: 08/03/2024; Accepted: 20/03/2024

ABSTRACT

Objective: To describe the self-efficacy and the relationship between self-efficacy and academic outcomes of medical students at Dai Nam University in 2024.

Research subjects and methods: A cross-sectional descriptive study surveying 274 medical students at Dai Nam University in 2024 via Google form.

Results: The average self-efficacy score was 27.4 ± 6.8 (out of 40 points). The highest percentage of agreement was recorded with the opinion that students “expect to study well”, accounting for 38.7%, followed by “Confident that they can understand the basic concepts taught in the program”. curriculum” is 38.3%. The highest rate of Strongly Disagree and Disagree is for students who are “confident that they can understand the most complex material presented by the instructor”, 5.8% and 13.5%, respectively. The research results did not show that there was a statistically significant difference in self-efficacy scores between groups of students with different first-semester learning rankings and having to retake the exam during the semester. I, or have to relearn the situation up to the time of the survey ($p > 0.05$).

Conclusion: The self-efficacy of medical students at Dai Nam University was at an average level. The study also did not find a relationship between self-efficacy beliefs and academic performance of medical students.

Keywords: Self-efficacy, academic outcomes, medical students.

*Corresponding author

Email address: ngothitam.hmu@gmail.com

Phone number: (+84) 944 427 392

<https://doi.org/10.52163/yhc.v65iCD2.1044>



MỐI LIÊN QUAN GIỮA NIỀM TIN VÀO NĂNG LỰC BẢN THÂN VÀ KẾT QUẢ HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN Y KHOA

Ngô Thị Tâm*

Trường Đại học Đại Nam - 1 phố Xóm, Phú Lâm, Hà Đông, Hà Nội, Việt Nam

Ngày nhận bài: 01 tháng 03 năm 2024

Ngày chỉnh sửa: 08 tháng 03 năm 2024; Ngày duyệt đăng: 20 tháng 03 năm 2024

TÓM TẮT

Mục tiêu: Mô tả niềm tin vào năng lực bản thân và mối liên quan giữa niềm tin vào năng lực bản thân với kết quả học tập của sinh viên Y khoa trường Đại học Đại Nam năm 2024.

Đối tượng và phương pháp nghiên cứu: Nghiên cứu mô tả cắt ngang khảo sát 274 sinh viên Y khoa trường Đại học Đại Nam năm 2024 qua biểu mẫu Google.

Kết quả: Điểm niềm tin vào năng lực bản thân trung bình là $27,4 \pm 6,8$ (trên 40 điểm). Tỷ lệ đồng ý cao nhất được ghi nhận với ý kiến cho rằng sinh viên “mong đợi sẽ học tốt”, chiếm 38,7%, tiếp theo là “Tự tin mình có thể hiểu được những khái niệm cơ bản được dạy trong chương trình học” là 38,3%. Tỷ lệ Hoàn toàn không đồng ý và không đồng ý cao nhất là sinh viên “tự tin rằng mình có thể hiểu được những tài liệu phức tạp nhất mà giảng viên trình bày”, lần lượt là 5,8% và 13,5%. Kết quả nghiên cứu không cho thấy có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về điểm niềm tin vào năng lực bản thân giữa các nhóm sinh viên có xếp loại học tập học kỳ I khác nhau, có tình trạng phải thi lại trong học kỳ I, hoặc phải học lại tình tới thời điểm khảo sát ($p > 0,05$).

Kết luận: Niềm tin vào năng lực bản thân của sinh viên Y khoa trường đại học Đại Nam ở mức trung bình. Nghiên cứu cũng không tìm thấy mối liên quan giữa niềm tin vào năng lực bản thân với kết quả học tập của sinh viên Y khoa.

Từ khóa: Niềm tin vào năng lực bản thân, năng lực bản thân, kết quả học tập, sinh viên Y khoa.

*Tác giả liên hệ

Email: ngothitam.hmu@gmail.com

Điện thoại: (+84) 944 427 392

<https://doi.org/10.52163/yhc.v65iCD2.1044>

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Niềm tin vào năng lực bản thân được định nghĩa là sự tự tin để thực hiện các hành động cần thiết nhằm đạt được các kết quả mong muốn [1]. Các bằng chứng cũng cho thấy có tương quan tích cực giữa niềm tin vào năng lực bản thân với kết quả học tập của sinh viên y khoa [2, 3]. Sự tự tin vào năng lực bản thân là một yếu tố động lực quan trọng cho sự phát triển của sinh viên y khoa, nhưng cho tới nay có rất ít nỗ lực được thực hiện để tìm hiểu một cách có hệ thống các tác động của niềm tin vào năng lực bản thân với kết quả học tập của sinh viên. Đặc biệt, ở Việt Nam, các khảo sát đánh giá năng lực bản thân của sinh viên còn rất hạn chế.

Đại học Đại Nam là một cơ sở giáo dục đại học tư nhân đã đào tạo ngành Y khoa tới năm thứ 4. Trường luôn có xu hướng tìm kiếm các giải pháp nhằm tăng cường chất lượng đào tạo và kết quả học tập của sinh viên. Do đó, để cung cấp các bằng chứng khoa học để xây dựng các chiến lược can thiệp nâng cao hiệu quả dạy và học của nhà trường, chúng tôi thực hiện nghiên cứu này.

Mục tiêu:

Mô tả niềm tin vào năng lực bản thân và mối liên quan giữa niềm tin vào năng lực bản thân với kết quả học tập của sinh viên Y khoa trường Đại học Đại Nam năm 2024.

2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Thiết kế nghiên cứu: Mô tả cắt ngang

2.2. Địa điểm và thời gian nghiên cứu: Nghiên cứu được thực hiện tại Khoa Y, trường Đại học Đại Nam từ tháng 10 năm 2023 - tháng 4 năm 2024.

2.3. Đối tượng nghiên cứu: Trình bày đặc điểm của đối tượng nghiên cứu bao gồm các tiêu chuẩn lựa chọn và tiêu chuẩn loại trừ.

2.4. Cỡ mẫu, chọn mẫu: Nghiên cứu sử dụng công

thức tính cỡ mẫu trong một quần thể hữu hạn của Slovin, với tổng số sinh viên Y khoa là 314, sai số cho phép $e=5\%$, cỡ mẫu tối thiểu cần cho nghiên cứu là $n = \frac{N}{1+N.e^2} = 176$ sinh viên.

Chọn mẫu bằng phương pháp chọn mẫu thuận tiện, tất cả sinh viên Y khoa được mời tham gia khảo sát, kết quả có 274 sinh viên tham gia và hoàn thành khảo sát.

2.5. Biến số: Nghiên cứu thu thập các nhóm biến số: 1) nhân khẩu học của đối tượng nghiên cứu, 2) Niềm tin vào năng lực bản thân, 3) Kết quả học tập (điểm tổng kết học kỳ I, tình trạng thi lại, học lại).

2.6. Kỹ thuật, công cụ và quy trình thu thập số liệu: Nghiên cứu thực hiện khảo sát qua biểu mẫu Google, bộ công cụ được xây dựng dựa trên các công cụ có sẵn. Niềm tin vào năng lực bản thân được đánh giá bằng một phần bảng hỏi chiến lược học tập mục tiêu Motivated Learning Strategies Questionnaire – MSLQ gồm 8 câu hỏi sử dụng thang Likert 5 mức tương ứng 1 là hoàn toàn không đồng ý và 5 là hoàn toàn đồng ý. Tổng điểm dao động từ 8 – 40 điểm, điểm cao tương ứng niềm tin vào năng lực bản thân cao hơn. Kết quả học tập đo bằng điểm tổng kết học kỳ 1 trên thang 10, phân loại thành 3 mức: trung bình trở xuống (<7.0), khá ($7.8 - <8.0$) và giỏi trở lên (>8.0).

2.7. Xử lý và phân tích số liệu: Số liệu xuất từ Google biểu mẫu qua Excel, sau đó được làm sạch, mã hóa và chuyển qua xử lý trên phần mềm Stata 14.0. Các thống kê mô tả được áp dụng. Thống kê phân tích sử dụng kiểm định Mann Whitney và Kruskal wallis để so sánh sự khác biệt giữa các giá trị trung bình, và hệ số tương quan spearman để tìm hiểu mối tương quan giữa hai biến định lượng. Mức ý nghĩa thống kê $p<0,05$ được áp dụng.

2.8. Đạo đức nghiên cứu: Sinh viên tham gia nghiên cứu hoàn toàn tự nguyện sau khi được thông báo mục tiêu và nội dung nghiên cứu. Các thông tin đối tượng cung cấp được mã hóa và bảo mật, chỉ sử dụng cho mục đích nghiên cứu.



3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Bảng 1. Kết quả học tập của sinh viên

Kết quả học tập	n	%
Thi lại		
Không	175	63,9
Có	99	36,1
Học lại		
Không	213	77,7
Có	61	22,3
Điểm tổng kết học kỳ I (trung bình, sd)	6,9 (1,1)	

Kết quả điểm tổng kết học kỳ I trung bình của sinh viên (36,1%) và 22,3% số sinh viên còn nợ ít nhất một môn Y khoa là $6,9 \pm 1,1$ (thang 10 điểm). Hơn 1/3 số sinh viên trong nghiên cứu phải thi lại ít nhất một môn học học cần học lại.

Bảng 2. Niềm tin vào năng lực bản thân

Ý kiến	Mức độ đồng ý	Hoàn toàn không đồng ý n (%)	Không đồng ý n (%)	Không phản đối/ đồng ý n (%)	Đồng ý n (%)	Rất đồng ý n (%)	Điểm Trung bình TB (sd)
Tôi tin rằng tôi sẽ đạt điểm xuất sắc trong học tập.		17 (6,2)	21 (7,7)	140 (51,1)	69 (25,2)	27 (9,9)	3,2 (1,0)
Tôi tự tin rằng mình có thể hiểu được những tài liệu phức tạp nhất mà giảng viên trình bày		16 (5,8)	37 (13,5)	134 (48,9)	60 (21,9)	27 (9,9)	3,2 (1,0)
Tôi tự tin mình có thể hiểu được những khái niệm cơ bản được dạy trong chương trình học		13 (4,7)	5 (1,8)	108 (39,4)	105 (38,3)	43 (15,7)	3,6 (0,9)
Tôi tự tin mình có thể hiểu được những nội dung phức tạp nhất mà giảng viên trình bày		15 (5,5)	34 (12,4)	133 (48,5)	66 (24,1)	26 (9,5)	3,2 (1,0)
Tôi tự tin mình có thể hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ được giao và các bài kiểm tra trong chương trình học		12 (4,4)	21 (7,7)	128 (46,7)	76 (27,7)	37 (13,5)	3,4 (1,0)
Tôi mong đợi sẽ học tốt		14 (5,1)	4 (1,5)	77 (28,1)	106 (38,7)	73 (26,6)	3,8 (1,0)
Tôi chắc chắn mình có thể thành thạo các kỹ năng được dạy		12 (4,4)	6 (2,2)	132 (48,2)	90 (32,9)	34 (12,4)	3,5 (0,9)
Xem xét độ khó của chương trình học, giáo viên và kỹ năng của tôi, tôi nghĩ tôi sẽ học tốt chương trình học này		13 (4,7)	3 (1,1)	121 (44,2)	98 (35,8)	39 (14,2)	3,5 (0,9)
Điểm niềm tin vào năng lực bản thân		27,4 (6,8)					

Điểm niềm tin vào năng lực bản thân trung bình là 27,4 ±6,8 (8 – 40). Khi được hỏi 8 câu hỏi về niềm tin vào năng lực bản thân, kết quả cho thấy điểm số trung bình ở mỗi câu trong khoảng 3,2 – 3,8 điểm (từ 1 – 5). Trong đó, điểm số cao nhất ở ý kiến “Tôi mong đợi sẽ học tốt” là 3,8 ± 1,0 điểm.

Đa phần sinh viên lựa chọn không phải đối không đồng ý hoặc đồng ý với các ý kiến được khảo sát về niềm tin

vào năng lực bản thân. Tỷ lệ đồng ý cao nhất được ghi nhận với ý kiến cho rằng sinh viên “mong đợi sẽ học tốt”, chiếm 38,7%, tiếp theo là tỉ lệ sinh viên đồng ý “Tự tin mình có thể hiểu được những khái niệm cơ bản được dạy trong chương trình học” là 38,3%. Tỷ lệ Hoàn toàn không đồng ý và không đồng ý cao nhất với quan điểm sinh viên “tự tin rằng mình có thể hiểu được những tài liệu phức tạp nhất mà giảng viên trình bày”, lần lượt là 5,8% và 13,5%.

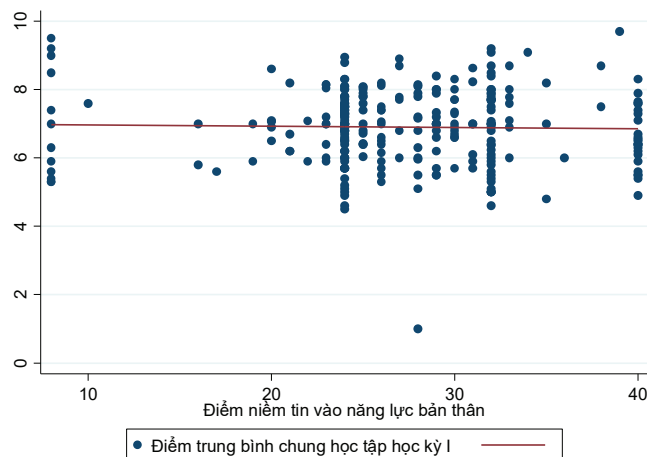
Bảng 3. Liên quan giữa điểm niềm tin vào năng lực bản thân với kết quả học tập

	Điểm niềm tin vào năng lực bản thân				p
	Trung bình	sd	Nhỏ nhất	Lớn nhất	
Xếp loại học tập kì I					
≤Trung bình	27,4	7,0	8	40	0,69
Khá	27,9	5,9	8	40	
≥Giỏi	26,2	7,9	8	40	
Thi lại					
Không	27,2	6,7	8	40	0,45
Có	27,7	7,1	8	40	
Học lại					
Không	27,5	6,5	8	40	0,68
Có	26,8	7,8	8	40	

Kết quả nghiên cứu không cho thấy có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về điểm niềm tin vào năng lực bản thân giữa các nhóm sinh viên có xếp loại học tập học

kì I khác nhau, có tình trạng phải thi lại trong học kỳ I, hoặc phải học lại tình tới thời điểm khảo sát (p>0,05).

Biểu đồ 1. Mối liên quan giữa niềm tin vào năng lực bản thân với điểm tổng kết học tập của sinh viên trong học kỳ trước



Spearman (r) = 0,0014, p=0,98

Biểu đồ 1 cho thấy không có mối tương quan giữa điểm trung bình chung học tập học kỳ I của sinh viên Y khoa với điểm niềm tin vào năng lực bản thân của họ (Spearman (r) = 0,0014, $p=0,98$)

4. BÀN LUẬN

Kết quả khảo sát 274 sinh viên Y khoa trường Đại học Đại Nam cho thấy niềm tin vào năng lực bản thân của họ ở mức trung bình. Nghiên cứu cũng không tìm thấy mối liên quan giữa niềm tin vào năng lực bản thân với kết quả học tập của đối tượng nghiên cứu.

Nhà tâm lý học Albert Bandura đã định nghĩa năng lực bản thân là niềm tin vào khả năng thành công trong những tình huống cụ thể hoặc hoàn thành một nhiệm vụ [1]. Nghiên cứu này sử dụng 8 câu hỏi trong thang đo chiến lược học tập mục tiêu Motivated Learning Strategies Questionnaire – MSLQ để đánh giá niềm tin vào năng lực bản thân của sinh viên. Điểm niềm tin vào năng lực bản thân trung bình được báo cáo là $27,4 \pm 6,8$ (trên 40 điểm). Kết quả cho thấy, sinh viên có xu hướng mong muốn đạt kết quả tốt trong học tập, nhưng họ chỉ tự tin trước những khái niệm cơ bản và nội dung học tập đơn giản. Ngược lại, số người tự tin hiểu những nội dung phức tạp hơn không cao. Như vậy, kết quả nghiên cứu gợi ý cần có những giải pháp can thiệp nhằm nâng cao tự tin của sinh viên đối với việc học, đặc biệt trong việc hiểu các tài liệu và nội dung phức tạp

Nhiều tác giả đã tìm thấy mối liên quan giữa niềm tin vào năng lực bản thân và kết quả học tập [3] [4]. Một số nhà nghiên cứu cũng đưa ra những giả thuyết về cách thức niềm tin vào năng lực bản thân ảnh hưởng tới kết quả học tập. Sinh viên có năng lực bản thân tốt có xu hướng đặt ra các mục tiêu học tập đầy tham vọng vì họ tin rằng mình có những kỹ năng và nguồn lực cần thiết để đạt được chúng. Những mục tiêu này thường cụ thể, có thể đo lường được, có thể đạt được, phù hợp và có thời hạn, nâng cao sự tập trung và cam kết của họ đối với các nhiệm vụ học tập. Họ cũng thường có xu hướng nỗ lực và kiên trì khi đối mặt với thử thách. Họ coi những thất bại là cơ hội để học hỏi hơn là dấu hiệu cho thấy sự kém cỏi của họ. Khả năng phục hồi này cho phép họ duy trì động lực và tiếp tục phấn đấu để đạt được thành công trong học tập. Không những thế, năng lực bản thân ảnh hưởng đến quá trình nhận thức của học sinh, bao gồm sự chú ý, nhận thức và giải quyết vấn đề. Những nỗ lực kiên cường mà những cá nhân có

năng lực bản thân cao thực hiện thường giúp họ đối mặt với thử thách và đạt được thành tích tốt hơn [5]. Có một mối quan hệ nhân quả giữa năng lực bản thân của người học và những thành tựu mà họ có thể đạt được. Suy nghĩ tự quy chiếu là một trung gian liên kết kiến thức và hành động của một người [5]. Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu của chúng tôi không cho thấy mối liên quan giữa niềm tin vào năng lực bản thân và kết quả học tập. Cụ thể, không thấy có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về điểm niềm tin vào năng lực bản thân giữa các nhóm sinh viên có xếp loại học tập học kỳ I khác nhau, có tình trạng phải thi lại trong học kỳ I, hoặc phải học lại tình tới thời điểm khảo sát ($p>0,05$). Biểu đồ 1 cũng cho thấy không có mối tương quan giữa điểm trung bình chung học tập học kỳ I của sinh viên Y khoa với điểm niềm tin vào năng lực bản thân của họ (Spearman (r) = 0,0014, $p=0,98$). Kết quả này phù hợp với báo cáo của một số tác giả trước đó cho thấy năng lực bản thân không có khả năng dự đoán điểm trung bình học tập [6] và năng lực bản thân không ảnh hưởng tới kết quả học tập [7]. Sự khác biệt giữa các kết quả nghiên cứu có thể được giải thích do sự khác biệt về công cụ đo lường, cách thức tiến hành, thời điểm đo lường và sự khác biệt về văn hóa... [8]. Mặc dù vậy, nghiên cứu này có hạn chế cỡ mẫu nhỏ, chỉ thực hiện tại Khoa Y một trường Đại học, chưa đủ khái quát cho sinh viên Y khoa ở Việt Nam và sinh viên Y khoa nói chung. Các nghiên cứu trong tương lai có thể xem xét mở rộng cỡ mẫu nghiên cứu, đa dạng giữa các trường công lập - dân lập và các khu vực trên cả nước.

5. KẾT LUẬN

Niềm tin vào năng lực bản thân của sinh viên Y khoa trường đại học Đại Nam ở mức trung bình. Nghiên cứu cũng không tìm thấy mối liên quan giữa niềm tin vào năng lực bản thân với kết quả học tập của sinh viên Y khoa. Nghiên cứu gợi ý cần có những giải pháp can thiệp nhằm nâng cao tự tin của sinh viên trong học tập, đặc biệt trong việc hiểu các tài liệu và nội dung phức tạp.

LỜI CẢM ƠN

Nghiên cứu này được tài trợ bởi Trường Đại học Đại Nam trong đề tài mã số: T2324-08

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Yousef Mubrik N. Almutairi, Leadership Self-Efficacy and Organizational Commitment of Faculty Members: Higher Education. 2020, 10(3): 66.
- [2] M. Richardson, C. Abraham and R. Bond, Psychological correlates of university students' academic performance: a systematic review and meta-analysis. Psychol Bull, 2012, 138(2): 353-87.
- [3] A. Tiyuri, B. Saberi, M. Miri et al., Research self-efficacy and its relationship with academic performance in postgraduate students of Tehran University of Medical Sciences in 2016. J Educ Health Promot, 2018, 7(11).
- [4] B. Zheng, C. Chang, C. H. Lin et al., Self-Efficacy, Academic Motivation, and Self-Regulation: How Do They Predict Academic Achievement for Medical Students? Med Sci Educ, 2021, 31(1): 125-130.
- [5] Bandura, A. Self-efficacy mechanism in human agency, American Psychologist, 1982, 37(2), 122-147.
- [6] David BF, Maximilian K, Hope, self-efficacy, optimism, and academic achievement: Distinguishing constructs and levels of specificity in predicting college grade-point average. Learning and Individual Differences, 2015, 37(210-216).
- [7] Kent JC, Kevin DB, Krista RM et al., The role of goal orientation and self-efficacy in learning from web-based worked examples. 2009, 20(4): 385-403, Moon-Heum Cho and Demei %J Distance education Shen. Self-regulation in online learning. 2013, 34(3): 290-301, Bartosz %J Journal of Further Gębka and Higher Education. Psychological determinants of university students' academic performance: An empirical study. 2014, 38(6): 813-837.
- [8] Toni H, Jaclyn B, Educational research review Broadbent. The influence of academic self-efficacy on academic performance: A systematic review; Educational Research Review, 2016, 17 (2), 63-84.

